TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04– 8 – 2022
Về việc: Xin ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có* :**

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Đình Đăng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1.Bà Chung Thị Ngọc

2.Ông Nguyễn Văn Dũng

***Thư ký phiên toà***: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, về việc: "Xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7năm 2022, giữa các đương sự :

*Nguyên đơn*: Bà Tô Kim G, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ thường trú: Số …đường 2/9, khu phố 1, phường T, TP H tỉnh K.

*Bị đơn*: Ông Trương Thanh D, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, Khu phố 2, phường P, thành phố H tỉnh K.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tô Kim G trình bày:* Bà và ông Trương Thanh D chung sống với nhau từ

năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường phường P, thành phố H tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/8/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng 2 năm gần đây bắt đầu phát sinh mâu thuẫn không còn chung sống với nhau, anh D đi làm về có tiền nhưng không lo cho vợ con, thường xuyên ăn nhậu vui chơi với bạn bè, chị đã nhiều lần khuyên nhũ nhưng anh D vẫn không từ bỏ dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn. Khoảng một năm nay hai người không có liên lạc nhau, trước khi ly hôn bà G có điện thoại báo cho ông D hay về việc bà nộp đơn tại Tòa án xin ly hôn với ông D thì ông D nói làm đơn đi ông D ký. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà G đề nghị Tòa án xử cho bà được ly hôn với ông Trương Thanh D.

Về con chung: Có một con chung tên Trương Bảo N, sinh ngày 16/12/2018 đang sống chung với bà G. Bà G yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Trương Thanh D, qua xác minh tại chính quyền địa phương tại tổ 7, khu phố 2, phường P, thành phố H nơi cư trú của ông Trương Thanh D thì được cung cấp thông tin ông Trương Thanh D có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng hiện đang đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng có về địa phương. Trong quá trình giải quyết vụ án mẹ của ông Trương Thanh D là bà Trần Thị S trình bày: Tòa án có giao các văn bản tố tụng thì bà có nhận thay cho con là Trương Thanh D, do D đi làm ăn xa nên Dcó liên hệ về kêu bà Snhận thay cho D, sau khi nhận xong thì bà S có báo lại cho D biết nhưng D không về được và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ việc gửi Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:*

*Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trương Thanh D chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án*: Bà Tô Kim G và ông Trương Thanh D chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng 2 năm gần đây bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài, ông bà cũng không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau, do đó hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Tô Kim G được ly hôn với ông Trương Thanh D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Bảo N, sinh ngày 16/12/2018 đang sống chung với bà G. Bà G yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nên đề nghị Hội Đồng Xét Xử chấp nhận.

Về tài sản chung không có; nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xem xét.

Về án phí .Buộc nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Tô Kim G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trương Thanh D, xét thấy ông D có đăng ký thường trú tại tổ 7, khu phố 2, phường P, thành phố H, tỉnh K. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trương Thanh D được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Thanh D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Tô Kim G và ông Trương Thanh D chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Hà Tiên cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/8/2018, do đó hôn nhân của ông, bà là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo bà G thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2020, giữa vợ chồng ông, bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông D không quan tâm chăm lo đời sống cho vợ con, mặc dù bà

G đã nhiều lần khuyên nhũ nhưng ông D vẫn không từ bỏ, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Khoảng một năm nay giữa bà G và ông D không có liên lạc nhau. Qua xác minh tại địa phương nơi cư trú của ông D có địa chỉ thường trú tại địa phương, có đi về tại địa phương, mẹ ông D là bà Trần Thị S thừa nhận có nhận thay cho D các văn bản tố tụng của Tòa án và có báo cho D hay về việc bà Tô Kim G xin ly hôn nhưng D cũng không trình bày ý kiến gì gửi cho Tòa án. Xét thấy, giữa bà G và ông D có mâu thuẫn trong thời gian dài, hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau từ năm 2020 cho đến nay làm cho quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và hàn gắn được. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên "*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Giang được ly hôn với ông Dũng.

[4] Về con chung: Bà Tô Kim G và ông Trương Thanh D chung sống có một con chung tên Trương Bảo N, sinh ngày 16/12/2018 Cháu G đang sống chung với bà G. Bà G yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Bà Tô Kim G trình bày vợ chồng bà không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Tô Kim G trình bày ông bà chung sống không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên là có cơ sở, phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Tô Kim G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

1. Chấp nhận cho bà Tô Kim G được ly hôn với ông Trương Thanh D.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Bảo N, sinh ngày 16/12/2018 giao cho bà Tô Kim G nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Trương Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà G không có yêu cầu. Ông Trương Thanh D được quyền thăm nom chăm sóc con chung bà Tô Kim G và các thành viên trong gia đình không được quyền cấm cản.

3. Về tài sản chung: Bà Tô Kim G trình bày vợ chồng ông bà không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4.Về nợ chung: Bà Tô Kim G trình bày trình bày ông bà chung sống không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí: Bà Tô Kim G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng).* Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000479 ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, sau khi khấu trừ bà Tô Kim G không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Tô Kim G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông Trương Thanh D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*- TAND tỉnh Kiên Giang;*
*- VKSND TP.Hà Tiên;*
*- Chi cục THADS TP. Hà Tiên;*
*- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đình Đăng**